

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày 06 - 01 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiên.

Ông Nguyễn Công Trường.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 662/2022/TLST-DS ngày 21/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2022/QĐXXST-DS ngày 21/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Hoài L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông E có mặt. Ông L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2022 của nguyên đơn và lời trình bày có tại hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 29/5/2020 ông L có cho ông N vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng (thỏa thuận miệng), thời hạn vay đến ngày 31/12/2020 thì phải trả vốn, việc vay tiền có làm biên nhận, việc đưa tiền vay cho ông N nhận là qua hình thức chuyển khoản qua tài khoản của ông N. Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông N có trả lãi được số tiền 9.000.000 đồng; số tiền vốn thì không trả được khoản tiền nào. Sau đó ông L có liên hệ đến gia đình ông N để đòi nợ thì ông Nguyễn Văn E (cha ruột của ông N) đứng ra nhận nợ thay và hứa trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc 100.000.000 đồng thay cho ông N (việc bảo lãnh trả nợ thì không có quy định cụ thể thời gian trả). Đến ngày 13/12/2021 tại nhà ông E thì ông E có trả cho ông L được số

tiền 20.000.000 đồng (việc trả này có làm xác nhận trả nợ có người chứng kiến là ông Nguyễn Văn N). Kể từ sau ngày 13/12/2021 cho đến nay thì ông E không có trả được khoản tiền nào cho ông L.

Nay ông L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn E trả cho ông L số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/12/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/01/2023.

- Tại tờ trình bày không có ngày tháng năm của bị đơn và lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Ông N là con ruột của ông E. Ông E có biết Mai Hoài L là bạn thân của N. Việc N vay của L 100.000.000 đồng ông E không biết. Thời gian cụ thể không N chính xác, vào năm 2021 L có đến nhà nói là N có mượn của L 100.000.000 đồng chưa trả, do tình nghĩa L và N là bạn thân từ trước, nên ông E xác định N có nợ và ông E đứng ra nhận trả nợ thay cho N khoản tiền 100.000.000 đồng (việc bảo lãnh nhận nợ thay này không có làm giấy tờ gì và cũng không có quy định thời gian trả nợ cụ thể). Đến ngày 13/12/2021 tại nhà ông E thì ông E có trả cho L số tiền 20.000.000 đồng khi đó ông E có ký vào bảng xác nhận trả nợ khi đó có ông Nguyễn Văn N chứng kiến. Kể từ sau ngày 13/12/2021 thì không có trả cho ông L khoản tiền nào khác. Trước đây N có vay tiền tại Ngân hàng nơi ông L làm và có thế chấp quyền sử dụng đất của ông E đứng tên (khoản nợ nay ông E đã trả xong), thời điểm khi N làm hồ sơ vay tiền thì ông E không biết N và ông L có bàn bạc gì hay không thì ông E không biết, nhưng ông L có đến nhà ông N bứng cây mai của ông E trị giá 50.000.000 đồng, đến nay thì N và ông L cũng không nói gì tiền bạc về cây mai. Như vậy, khoản nợ 100.000.000 đồng ông E đã bảo lãnh trả nợ thay cho N thì trừ số tiền 20.000.000 đồng và giá trị cây mai 50.000.000 đồng thì chỉ còn nợ 30.000.000 đồng. Ông E xác định sau khi đứng ra nhận trả nợ thay cho N thì N không còn liên quan gì đến khoản nợ của L trước đó. Ông E thừa nhận “xác nhận nợ” là ông E trực tiếp ký tên và ghi họ tên, đồng thời có ghi nội dung “Đứng ra trả cho con N”.

Nay ông E xác định không có khả năng để trả nợ cho ông L, đồng thời việc ông L khởi kiện đã làm mất uy tín của ông E nên ông không đồng ý trả. Đối với giá trị cây mai ông L bứng tại nhà ông E thì ông E sẽ khởi kiện ông L bằng vụ án khác.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ bảo lãnh của ông N, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần

Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng*: Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn*: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận ông N có vay của ông Mai Hoài L số tiền 100.000.000 đồng, nhưng ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận với ông L, nên ông L có đến gia đình ông N đòi nợ thì ông Nguyễn Văn E (là cha ruột của ông N) đứng ra bảo lãnh nhận nợ thay cho ông N. Thực tế, sau khi ông E đứng bảo lãnh nợ cho ông N thì ngày 13/12/2021 thì ông E có trả cho ông L được số tiền 20.000.000 đồng được thể hiện tại “xác nhận trả nợ”, đồng thời ông E nhận tiếp tục trả khoản tiền còn lại cho đến khi hết nợ, ông E thừa nhận sau khi ký xác nhận nợ thì không có trả được khoản tiền nào cho ông L. Như vậy, ông E là người bảo lãnh khoản nợ của ông N đối với ông L, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh, nên cần buộc ông E phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả cho ông L số tiền 80.000.000 đồng là đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 292, Điều 335, Điều 342 Bộ luật dân sự. Đối với phần tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy ông L xác định lãi suất thỏa thuận với ông N là 3%/tháng, nhưng ông L không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc này và đồng thời sau khi ông E đứng ra bảo lãnh nợ cho ông N thì giữa ông E và ông L cũng không có thỏa thuận về việc trả lãi và hiện nay có tranh chấp về lãi, do đó cần áp dụng 50% mức lãi suất giới 20%/năm là 10%/năm đối với tổng số tiền nợ bảo lãnh chưa thực hiện nghĩa vụ. Thời gian tính lãi kể từ ngày 13/12/2021 (là ngày ông E cam kết bảo lãnh nợ cho ông N) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/01/2023. Như vậy, lãi suất được tính trên số tiền bảo lãnh chưa thực hiện nghĩa vụ là 80.000.000 đồng X lãi suất 10%/năm X 01 năm 23 ngày = 8.511.111 đồng, cần buộc ông E phải trả khoản tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ này theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi 8.511.111 đồng là đúng.

[5] Đối với việc ông E đặt ra đối với giá trị cây mai 50.000.000 đồng ông L bứng tại nhà ông E. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông E không có yêu cầu phản tố gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 5, Điều 200, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa ông E cũng xác định sẽ khởi kiện vụ án khác. Do đó, không có cơ sở để xét vấn đề ông E cho rằng ông L bứng cây mai của ông E giá trị 50.000.000 đồng trong vụ án này. Trường hợp giữa ông E và ông L có tranh chấp liên quan đến giá trị cây mai thì ông E có quyền khởi kiện ông L thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Ông E xác định sau khi nhận nợ thay cho ông N, thì ông N không còn liên quan gì đến khoản nợ của ông L. Do đó, không đưa ông N tham gia tố tụng là đúng.

Trường hợp giữa ông E và ông N có tranh chấp khoản tiền nợ bảo lãnh và có yêu cầu thì sẽ xE xét giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Đối với việc ông L xác định cho ông E vay với mức lãi suất 3%/tháng, ông L xác định kể từ ngày vay có nhận được tiền lãi 9.000.000 đồng. Các đương sự không có yêu cầu gì đối với mức lãi suất và tiền lãi trong vụ án này. Do đó, trường hợp có tranh chấp và có yêu cầu thì cũng được xE xét giải quyết bằng vụ án khác.

[8] *Về án phí:* Bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí và bị đơn có đề nghị xin miễn án phí nên được miễn nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 292, Điều 335, Điều 342, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Mai Hoài L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn E có trách trả cho nguyên đơn ông Mai Hoài L tổng số tiền 88.511.111 đồng (Trong đó: Tiền nợ bảo lãnh chưa thực hiện 80.000.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 8.511.111 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn E thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

- Nguyên đơn ông Mai Hoài L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 3.650.000 đồng theo biên lai thu số: 0005737 ngày 17/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải